

BÀI 30. SỬ DỤNG HỢP LÍ TỰ NHIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.
- Chứng minh được các thế mạnh, hạn chế để phát triển kinh tế của vùng; trình bày được hướng sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng.
- Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long.
- Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm của vùng.
- Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng.
- **Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng.**
- Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
 - + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
 - + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp.
 - + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*
 - + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm.
 - + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao.
 - + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.
 - + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác.
 - + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*
 - + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...
 - + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập.
 - + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập.
 - + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm.
 - + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
 - + Tự duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.

* **Năng lực chuyên biệt:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Cửu Long; Vấn đề sử dụng hợp lí tự nhiên; Vấn đề phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm; Vấn đề phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được vì sao sử dụng hợp lí ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, ...

> Biết đọc và sử dụng bản đồ.

> Sử dụng mô hình, tranh ảnh...

> Vẽ, nhận xét và giải thích biểu đồ.

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Cửu Long; Vấn đề sử dụng hợp lí tự nhiên; Vấn đề phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm; Vấn đề phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Cửu Long; Vấn đề sử dụng hợp lí tự nhiên; Vấn đề phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm; Vấn đề phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Ứng dụng năng lực kĩ năng số:*

1.1NC1b. Khai thác bản đồ số, Atlas điện tử, Google Earth để xác định hệ thống sông ngòi, vùng trũng ngập lũ, vùng ven biển và các đảo.

1.1NC1b. Tìm kiếm thông tin số liệu trên Internet về sản lượng lúa, thủy sản, cây ăn quả, tình hình ngập mặn và sạt lở.

1.2NC1b. Sử dụng biểu đồ, ảnh vệ tinh để phân tích biến đổi sử dụng đất, rừng ngập mặn và tác động của biến đổi khí hậu.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- *Nhân ái:*

+ Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

+ Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân.

- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực:* Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- *Trách nhiệm:* Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, thực hiện yêu cầu.

* **Yêu cầu:** Lắng nghe và xem video bài hát. Ghi nhanh các tỉnh/thành nghe được vào giấy.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu video và cho HS trả lời câu hỏi để “Ai nhanh hơn”.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi và thực hiện yêu cầu.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: *Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế, đặc biệt cho phát triển nông nghiệp, thủy sản và du lịch. Những thế mạnh, hạn chế và vấn đề sử dụng hợp lý tự nhiên của vùng là gì? Thực trạng phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm và du lịch của vùng như thế nào?*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI
Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

a) Mục tiêu: HS trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.



c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. KHÁI QUÁT

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

- Phạm vi lãnh thổ:

+ Gồm thành phố Cần Thơ và 4 tỉnh: Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau.

+ Diện tích: khoảng 36,4 nghìn km² (năm 2025)

+ Có vùng biển rộng lớn, có nhiều đảo và quần đảo, trong đó có 3 đặc khu là: Kiên Hải, Phú Quốc, Thổ Châu (An Giang).

- Vị trí địa lí:

+ Gắn ngã tư đường hàng hải quốc tế.

+ Giáp Cam-pu-chia, Đông Nam Bộ.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về dân số

a) Mục tiêu: HS trình bày được khái quát về dân số của vùng.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Nêu khái quát về dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Dân số (số liệu năm 2025 theo CV 6199, ngày 03/10/2025 của Bộ GD&ĐT)

Tiêu chí	Nội dung
----------	----------

Số dân đông (2025)	Khoảng 15,8 triệu người (chiếm 15,6% dân số cả nước)	
Mật độ DS cao (2025)	Khoảng 434 người/km ²	
Tỉ lệ gia tăng DS tự nhiên (2024)	0,4% thấp nhất cả nước	
Cơ cấu dân số (2024)	Theo thành thị và nông thôn	Tỉ lệ dân thành thị: 27,6%
	Theo dân tộc	Nhiều dân tộc sinh sống: Kinh, Khơ-me, Hoa, Chăm,...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

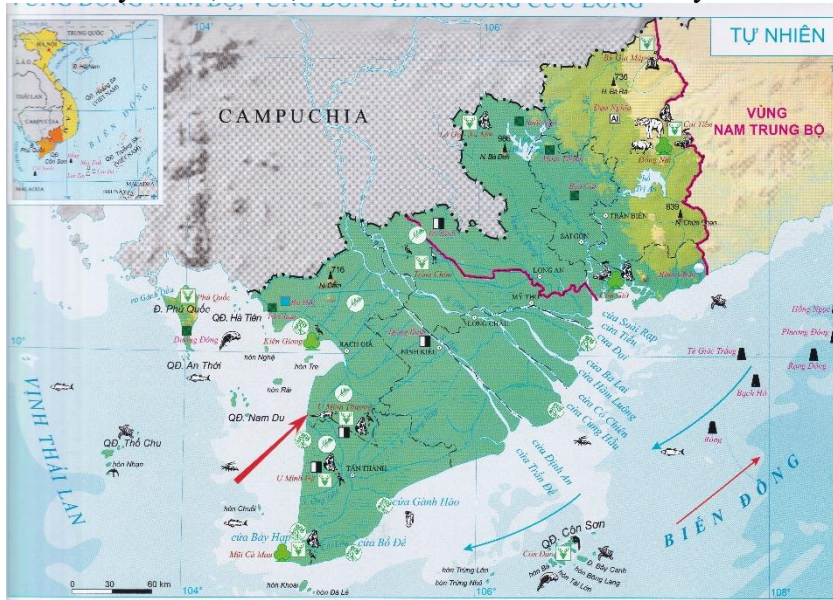
+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế

a) Mục tiêu: HS chứng minh được các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế của vùng. Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày các thế mạnh và hạn chế của vùng.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm	Điều kiện	Đặc điểm	a) Thế mạnh	b) Hạn chế
1, 4	Địa hình và đất			
	Khí hậu			
2, 5	Nguồn nước			
	Rừng			
3, 6	Khoáng sản			
	Biển			

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. SỬ DỤNG HỢP LÝ TỰ NHIÊN

1. Các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên			
Điều kiện	Đặc điểm	a) Thế mạnh	b) Hạn chế
Địa hình và đất	- Địa hình: thấp và bằng phẳng.	Thuận lợi cho canh tác nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác.	- Khí hậu có một mùa khô sâu sắc, gây nên tình trạng thiếu nước ngọt nghiêm trọng. - Chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu.
	- Đất: gồm 3 nhóm chính là đất phù sa sông; đất phèn; đất mặn.	Thích hợp trồng lúa và các loại cây trồng khác; phát triển rừng ngập mặn, nuôi trồng thủy sản; trồng cây ăn quả và cây công nghiệp nhiệt đới.	
Khí hậu	Khí hậu cận xích đạo.	Thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nhiệt đới, phát triển điện gió, điện mặt trời.	- Nguồn nước sông phụ thuộc vào việc sử dụng nước của các quốc gia đầu nguồn, gây khó khăn trong quản lý, sử dụng tổng hợp nguồn nước sông.
Nguồn nước	Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc; có nhiều bãi triều rộng, diện tích mặt nước lớn.	Phát triển thủy lợi, giao thông đường sông và du lịch; nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt.	
Rừng	Diện tích rừng ngập mặn; rừng tràm lớn.	Có ý nghĩa lớn đối với môi trường, bảo tồn nguồn gen; phát triển du lịch.	
Khoáng sản	Chủ yếu là đá vôi, đá xây dựng; than bùn. Dầu mỏ, khí tự nhiên ở vùng thềm lục địa.	Phát triển công nghiệp khai khoáng.	
Biển	Vùng biển rộng với ngư trường lớn và hàng trăm bãi cá, bãi tôm. Nhiều đảo.	Phát triển tổng hợp kinh tế biển.	

EM CÓ BIẾT?

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 5 vườn quốc gia là Tràm Chim, Phú Quốc, Mũi Cà Mau, U Minh Hạ và U Minh Thượng; 2 khu dự trữ sinh quyển thế giới là Kiên Giang và Mũi Cà Mau.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về hướng sử dụng hợp lý tự nhiên

a) Mục tiêu: HS giải thích và trình bày được tại sao phải sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Giải thích nguyên nhân và trình bày hướng sử dụng hợp lý tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Hướng sử dụng hợp lý tự nhiên

a) Lí do phải sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long

- Vùng có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Sử dụng hợp lý các nguồn lực tự nhiên sẽ phát triển đa dạng các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng, phát huy hiệu quả thế mạnh của vùng.
- Tự nhiên của vùng có những khó khăn, đặc biệt là vấn đề đất nhiễm phèn, nhiễm mặn, khô hạn, mất cân bằng nguồn nước, biến đổi khí hậu....
- Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

b) Hướng sử dụng hợp lý tự nhiên

- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên.
- Bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

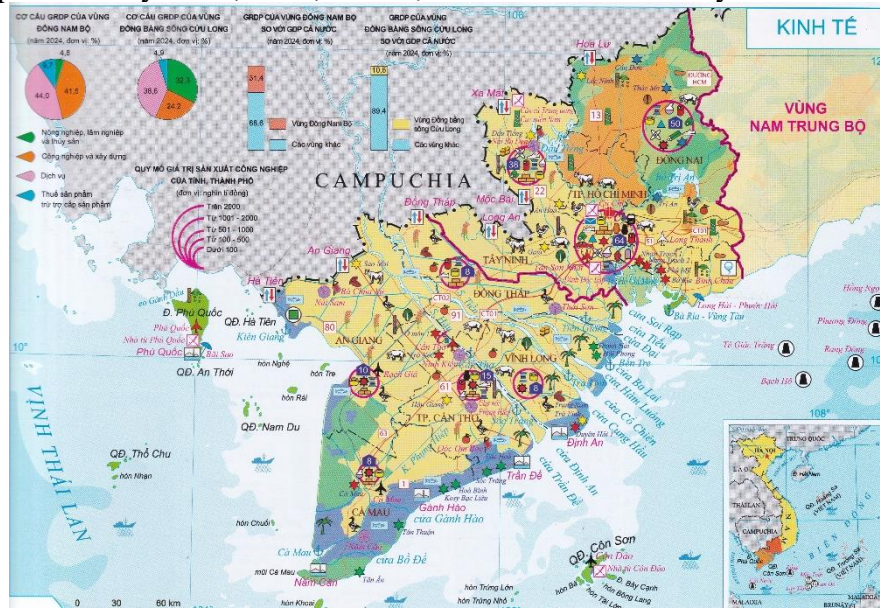
- Xây dựng mới và hiện đại hoá hệ thống thủy lợi, phát triển nông nghiệp bền vững.
- Chủ động kiểm soát lũ, phòng, chống sạt lở.
- Bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên và các vùng ngập nước quan trọng, bảo vệ bờ biển, hạn chế gió, sóng biển.
- Áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.
- Khai thác tổng hợp thế mạnh vùng biển đảo theo hướng bền vững.
- Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.
 - + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
 - + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu tình hình phát triển một số ngành kinh tế

- a) **Mục tiêu:** HS trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm của vùng. Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày được tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Bảng 30. SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Nuôi trồng	Khai thác	Tổng cộng
2010	1986,6	1012,5	2999,1
2015	2471,3	1232,1	3703,4
2024	4025,8	1503,4	5528,2

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

Bảng 30.1. DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

Chỉ tiêu Năm	Diện tích gieo trồng		Sản lượng	
	Triệu ha	So với cả nước (%)	Triệu tấn	So với cả nước (%)

2010	3,9	52,7	21,6	54,0
2015	4,3	54,9	25,6	56,7
2018	4,1	54,3	24,5	55,6
2024	3,3	46,6	21,3	49,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

Bảng 30.2. SỐ LƯỢNG BÒ, LỢN VÀ GIA CẦM VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2010 VÀ NĂM 2024

Vật nuôi	Năm	2010		2024	
		Số lượng (nghìn con)	So với cả nước (%)	Số lượng (nghìn con)	So với cả nước (%)
Bò		691,1	11,9	739	11,9
Lợn		3 798,9	13,9	2310,2	8,7
Gia cầm		60 703,0	20,2	86916	14,9

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

Bảng 30.3. SỐ LƯỢNG KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2015 - 2024

Chỉ số	Năm	2015	2019	2024
		Số lượt khách (triệu lượt người)	23,2	46,0
Doanh thu du lịch lữ hành (tỉ đồng)		512,4	1 000,8	2599

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

* **Nhóm 1, 3:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
Sản xuất lương thực, thực phẩm

Vai trò của sản xuất lương thực và thực phẩm	
Nội dung	Tình hình phát triển
Sản xuất lương thực	
Sản xuất thực phẩm	

* **Nhóm 2, 4:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
Du lịch

Nội dung	Phân tích
Tài nguyên du lịch	Tài nguyên du lịch tự nhiên
	Tài nguyên du lịch văn hóa
Tình hình phát triển	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM	
Nội dung	Phân tích
1. Vai trò của sản xuất lương thực và thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Có vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo an ninh lương thực của vùng và cả nước. - Cung cấp các mặt hàng lương thực, thực phẩm xuất khẩu chủ lực. - Góp phần khai thác thế mạnh của vùng. - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế... - Giải quyết việc làm, cải thiện đời sống của nhân dân.
2. Tình hình phát triển	
a) Sản xuất lương thực	<ul style="list-style-type: none"> - Chiếm khoảng 42% diện tích gieo trồng và 45% sản lượng lương thực có hạt của cả nước (2024). - Bình quân lương thực đầu người: 1 358,9 kg (2024) - Lúa là cây lương thực chủ đạo:

	<ul style="list-style-type: none"> + Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ. + Năng suất lúa tăng lên: đạt 64,2 tạ/ha (2024). + Các giống lúa mới có năng suất và chất lượng cao được đưa vào sản xuất. + Phân bố: ở khắp các tỉnh trong vùng, nhiều nhất là An Giang, Cần Thơ và Đồng Tháp. - Một số cây lương thực khác: ngô, khoai, sắn,...
b) Sản xuất thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi: + Các vật nuôi chính: lợn, bò thịt, gia cầm,... + Phát triển theo hướng sạch, quy mô lớn, ứng dụng khoa học - công nghệ, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. + Phân bố: Vĩnh Long, Đồng Tháp,... - Thủy sản: + Là vùng trọng điểm số một về thủy sản. + Sản lượng: lớn và ngày càng tăng, luôn chiếm trên 50% cả nước và đứng đầu về giá trị xuất khẩu. + Khai thác: <ul style="list-style-type: none"> > Chiếm khoảng 34% tổng sản lượng thủy sản của vùng và chiếm 39,2% cả nước (2024). > Phân bố: lớn nhất là An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long,... + Nuôi trồng: <ul style="list-style-type: none"> > Là ưu thế và luôn ở vị trí đứng đầu cả nước. > Diện tích nuôi trồng: chiếm khoảng 72% cả nước (2024). > Sản lượng: cao, chiếm khoảng 70% cả nước (2024). > Đối tượng nuôi đa dạng: tôm, cá da trơn, cua,... > Phát triển theo hướng sản xuất công nghiệp, công nghệ cao. > Xây dựng chuỗi giá trị từ nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ. > Phân bố: lớn nhất là Cà Mau, An Giang, Đồng Tháp,... - Trồng cây ăn quả: + Là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất cả nước. + Diện tích cây ăn quả tăng nhanh, chiếm hơn 33% cả nước (2021). + Các cây trồng chủ lực: sầu riêng, thanh long, xoài, chôm chôm, nhãn, bưởi, cam,... + Phát triển theo hướng áp dụng công nghệ cao hướng tới trồng trọt hữu cơ, bền vững,... + Sản phẩm không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn để xuất khẩu.

IV. PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Nội dung	Phân tích
1. Tài nguyên du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên du lịch tự nhiên: <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt, các cù lao sông; các hệ sinh thái rừng như rừng ngập mặn. + Vùng biển có hệ thống các đảo như Phú Quốc, Nam Du, Hòn Tre, ... với nhiều bãi tắm, cảnh quan đặc sắc. - Tài nguyên du lịch văn hóa: <ul style="list-style-type: none"> + Các di tích lịch sử - văn hoá, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, nghệ thuật... trong vùng rất phong phú. + Những địa điểm nổi tiếng là nhà tù Phú Quốc (An Giang), di chỉ khảo cổ Óc Eo - Gò Thành (Đồng Tháp), di tích Đồng Khởi (Vĩnh Long), chùa Dơi (Cần Thơ), các di tích ở Núi Sam (An Giang),... + Có nền văn hoá vùng châu thổ với các miệt vườn cây trái trù phú, người dân thích ứng với cuộc sống miền sông nước, hình thành nên các chợ nổi (Cái Răng, Phụng Hiệp - Cần Thơ, ...) hấp dẫn khách du lịch. + Nghệ thuật dân gian có đờn ca tài tử, hò, ... cùng các nghề thủ công truyền thống, ẩm thực, lễ hội đặc sắc (Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam, Ok Om Bok)...
2. Tình hình phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Khách du lịch và doanh thu du lịch lữ hành của vùng có xu hướng tăng đều trong giai đoạn 2015 - 2019, năm 2020, 2021 giảm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Sau khi dịch được kiểm soát, lượng khách đang dần phục hồi trở lại. - Loại hình du lịch đặc trưng: du lịch sinh thái, du lịch sông nước, du lịch nghỉ dưỡng biển đảo và du lịch văn hoá lễ hội. - Các địa bàn trọng điểm: Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long. Phú Quốc là đô

thị du lịch và là điểm đến hấp dẫn nhất trong vùng.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Dựa vào bảng 30.1, vẽ biểu đồ thể hiện diện tích và sản lượng lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 - 2024. Nhận xét và giải thích.

Bảng 30.1. DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

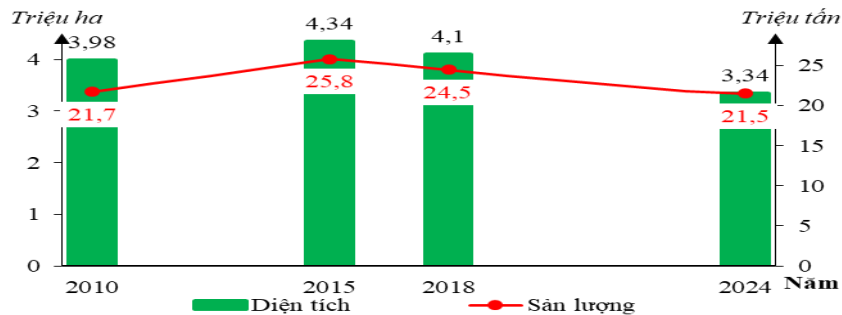
Chỉ tiêu Năm	Diện tích gieo trồng		Sản lượng	
	Triệu ha	So với cả nước (%)	Triệu tấn	So với cả nước (%)
2010	3,9	52,7	21,6	54,0
2015	4,3	54,9	25,6	56,7
2018	4,1	54,3	24,5	55,6
2024	3,3	46,6	21,3	49,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

* **Vẽ biểu đồ:**



DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

* **Nhận xét và giải thích:**

- Nhận xét:

Nhìn chung ngành sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát triển bậc nhất cả nước với diện tích và sản lượng luôn đứng đầu cả nước và chiếm hơn 50%.

- + Diện tích: tăng từ 2010 - 2015 (d/c) sau đó giảm từ 2015 - 2024 (d/c)
- + Sản lượng: tăng từ 2010 - 2015 (d/c) sau đó giảm từ 2015 - 2024 (d/c)

- Giải thích:

+ Ngành sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo an ninh lương thực cho vùng và cả nước. Cung cấp gạo cho xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng. Góp phần khai thác thế mạnh về tài nguyên đất, nước, khí hậu; giải quyết việc làm cho một lực lượng lao động đáng kể, cải thiện đời sống nhân dân.

+ ĐBSCL có nhiều thế mạnh để phát triển trồng lúa...

+ Diện tích và sản lượng có biến động do tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, thị trường và sự thay đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, **thay đổi đơn vị hành chính tại các vùng kinh tế...**

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, hướng dẫn chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Suu tầm thông tin, tìm hiểu về tiềm năng phát triển một loại hình du lịch ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Gợi ý:

Tiềm năng phát triển du lịch sông nước ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

- Vùng ĐBSCL nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, hệ thống sông lớn nhất Đông Nam Á, với hai nhánh sông Tiền và sông Hậu. ĐBSCL có diện tích tự nhiên gần 40 000 km², bằng 5,6% diện tích của lưu vực, với mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt, được mệnh danh là “thế giới sông nước” (Water World). Từ lâu loại hình du lịch bằng tàu, ghe len lỏi vào sâu trong các kênh rạch, trải nghiệm cuộc sống mộc mạc, thơ mộng của người dân vùng sông nước cũng rất hấp dẫn du khách khi đến với ĐBSCL với nhiều loại hình du lịch.

- Khu vực ĐBSCL có gần 28.000 km đường thủy với hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt kết hợp với đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, thời tiết tạo nên cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, nhất là cảnh quan sông nước.

- Các bến tàu du lịch ở các sông, nhà hàng ăn uống được đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện để phục vụ khách cập bến, tách biệt với các bến tàu thương mại.

- Dọc các con sông có các địa điểm tham quan, các di tích văn hóa - lịch sử, các vùng đặc sản và ẩm thực phong phú, chợ nổi truyền thống với nét văn hóa đặc trưng cuộc sống người dân miền sông nước.

- ĐBSCL được biết đến là vùng đất hiền hòa, khí hậu mát mẻ, cây lành trái ngọt và nhiều sản vật thiên nhiên ban tặng thích hợp để phát triển du lịch trong đó có du lịch sông nước.

- Các chính sách khuyến khích, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư kinh doanh các loại hình du lịch ven sông và trên sông, như: Đầu tư điểm dừng ven sông, phương tiện vận chuyển du khách, cầu cảng neo đậu tàu du lịch....

- Thu hút được các nguồn vốn đầu tư và các dự án phát triển du lịch sông nước.

- Những phiên chợ nổi nhộn nhịp vào buổi sáng sớm, như: Cái Răng, Phụng Hiệp (Cần Thơ), Cái Bè (Đồng Tháp), Ngã Năm (Cần Thơ)... hay những cù lao quanh năm chan hòa ánh nắng, thiên nhiên trong lành như cồn Phụng, cồn Ốc, cồn Quy (Vĩnh Long), cồn Tiên (Đồng Tháp), cồn Mỹ Phước (Cần Thơ), cồn Thới Sơn (An Giang)... cũng là một nét đẹp rất đặc trưng của vùng sông nước vùng ĐBSCL.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: BÀI 31. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

. BÀI 31. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết cách thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

+ Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

+ Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp.

+ Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

+ Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm.

+ Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao.

+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.

+ Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác.

+ Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập.

+ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập.

+ Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm.

+ Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

+ Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được các khu vực ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Trình bày được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, ...

> Biết đọc và sử dụng bản đồ.

> Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:
+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- Ứng dụng năng lực kỹ năng số: Tìm kiếm thông tin trên internet, bản đồ số; phân tích dữ liệu địa lý qua các ứng dụng số (Google Maps; Atlas điện tử; Video; Website; Canva; Power Point; Google Forms; Quiziz...).

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Nhân ái:

+ Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

+ Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân.

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Trung thực: Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

* Câu hỏi: Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

1. Nội dung

Tìm hiểu và viết báo cáo về ảnh hưởng và giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Nguồn tư liệu

- Thông tin từ các tạp chí, sách, báo, tivi, internet, thực tế,... về biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- Gọi ý các nguồn tham khảo:

+ Tác động của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, <http://ihrce.org.vn/tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-doi-voi-san-xuat-nong-nghiep-o-dong-bang-song-cuu-long-8.html>

+ Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng Cửu Long, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), <https://monre.gov.vn/Pages/ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-o-dong-bang-cuu-long.aspx>

+ Chính sách ứng phó biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, <http://moitruong.nongthonmoi.gov.vn/Pages/chinh-sach-ung-pho-bien-doi-khi-hau-vung-dbscl.aspx>

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Thực hành

a) Mục tiêu: HS sưu tầm, hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu và trình bày được báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

c) Sản phẩm: Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

3. Gợi ý cấu trúc báo cáo

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Đến tự nhiên
- Đến các hoạt động kinh tế
- Đến sinh hoạt của dân cư

2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long

- Giải pháp giảm nhẹ
- Giải pháp thích ứng

* THAM KHẢO

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Đối với tự nhiên:

+ Nhiệt độ ở ĐBSCL có xu thế tăng lên trong toàn khu vực với mức tăng từ 0,4 đến 1,6 độ C/61 năm; lượng mưa có xu thế gia tăng từ 1,5-20% trong vòng 61 năm nhưng xu thế tăng mưa mùa đông, mùa xuân, giảm ở mùa hè và các tỉnh ven biển; các hiện tượng cực đoan như số ngày nắng nóng kéo dài; xu thế nước biển dâng từ 3,5-8,7mm/năm; hạn hán tăng từ 0,05-0,2 đơn vị/61 năm.

+ Nước biển dâng là thách thức lớn nhất của đồng bằng châu thổ này. Nếu nước biển dâng cao 100cm, sẽ có khoảng 38% diện tích có nguy cơ bị ngập. Trong đó, các tỉnh có nguy cơ ngập cao nhất là Hậu Giang (nay là Cần Thơ) (80,62%), Kiên Giang (nay là An Giang) (76,86%) và Cà Mau (57,69%). Khi đó, ảnh hưởng của nước mặn thường xuyên. Nhiều vùng bảo tồn đất ngập nước như Tràm Chim, U Minh Thượng, Làng Sen, Trà Rai, Hà Tiên, Bãi Bồi, Đất Mũi trở nên kém bền vững hơn.

+ Một số sinh vật có thể bị tiêu diệt, 1/3 “vựa thóc” của cả nước bị ngập, 85% dân cư cần được hỗ trợ về nông nghiệp, đất bị suy thoái, hiện tượng di dân làm xáo trộn quy hoạch đô thị,... Cùng với đó, xói lở bờ sông, bờ biển và giảm dòng chảy mùa khô cũng là những vấn đề rất đáng quan tâm.

- Đối với các hoạt động kinh tế:

+ Dưới tác động của biến đổi khí hậu, ở ĐBSCL, ước tính hàng trăm ngàn hecta đất bị ngập, hàng triệu người có thể bị mất nhà cửa nếu nước biển dâng cao. Sản lượng lương thực có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia.

+ Diện tích canh tác nông nghiệp sử dụng nguồn nước ngọt như lúa, hoa màu, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản sẽ bị thu hẹp, năng suất và sản lượng sẽ suy giảm. Cá nước ngọt dự kiến sẽ suy giảm vì diện tích đất đồng bằng và dòng sông nhiễm mặn gia tăng. Ngược lại, cá nước mặn, lợ sẽ phát triển. Diện tích nuôi tôm, sò và hải sản khác có thể sẽ gia tăng trong tương lai. Các vùng tài nguyên rừng, đất, nước, sinh vật hoang dã, khoáng sản (than bùn, cát đá xây dựng...) sẽ bị xâm lấn.

+ Thực tế cho thấy, mùa khô năm 2016, mặn đã xâm nhập sâu đến 90 km vào các tỉnh/thành ven biển ở ĐBSCL, với diện tích khoảng 300.000 ha. Nếu tình trạng hạn - mặn tiếp tục diễn ra như năm 2016 thì diện tích các vùng trồng lúa sẽ bị ảnh hưởng rất lớn, làm giảm năng suất và sản lượng.

=> Như vậy, việc chọn tạo và sử dụng các loại giống lúa chịu mặn là khả năng phải nghĩ tới trong hiện tại và tương lai.

+ Biến đổi khí hậu cũng làm thay đổi điều kiện sinh sống của các loài sinh vật, dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài và ngược lại xuất hiện nguy cơ gia tăng các loại “thiên địch”. Trong thời gian 2 năm trở lại đây, dịch rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá ở ĐBSCL diễn biến ngày càng phức tạp, ảnh hưởng đến khả năng thâm canh, tăng vụ và làm giảm sản lượng lúa. Biến đổi khí hậu có thể tác động đến thời vụ canh tác lúa, làm thay đổi cấu trúc mùa vụ, quy hoạch vùng, kỹ thuật tưới tiêu, sâu bệnh, năng suất, sản lượng.

- Đối với sinh hoạt của dân cư

+ Khi mực nước biển dâng còn làm hệ thống đê biển hiện tại có nguy cơ tràn và vỡ ngay cả khi không có các trận bão lớn. Ngoài ra, do mực nước biển dâng cao làm chế độ dòng chảy ven bờ thay đổi sẽ gây xói lở bờ. Đối với hệ thống đê sông, đê bao và bờ bao, mực nước biển dâng cao làm cho khả năng tiêu thoát nước ra biển

giảm, kéo theo mực nước các con sông dâng lên, kết hợp với sự gia tăng dòng chảy lũ từ thượng nguồn sẽ làm cho đỉnh lũ tăng thêm, uy hiếp sự an toàn của các tuyến đê sông ở các tỉnh phía bắc, đê bao và bờ bao ở các tỉnh phía nam.

+ Nông dân, ngư dân và thị dân nghèo sẽ là đối tượng chịu nhiều tổn thương nặng nề do thiếu nguồn dinh dưỡng, thiếu khả năng tài chính, thiếu điều kiện tiếp cận thông tin để có thể đối phó kịp thời với sự thay đổi của thời tiết và khí hậu. Dự kiến sẽ có sự dịch chuyển dòng di cư của nông dân ở các vùng ven biển bị tác động nặng nề do biến đổi khí hậu. Điều này khiến các quy hoạch đô thị bị phá vỡ, trật tự xã hội sẽ là một thử thách, môi trường đô thị sẽ bị xấu đi do sự gia tăng cơ học về dân số.

2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long

- Giải pháp giảm nhẹ

+ Rà soát, đánh giá tình hình tác động biến đổi khí hậu

+ Xây dựng, định kỳ cập nhật và công bố Kịch bản biến đổi khí hậu. Kịch bản biến đổi khí hậu cập nhật được xây dựng dựa trên các công bố mới nhất của Ban liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC). Nội dung Kịch bản đã sử dụng số liệu quan trắc và số liệu mô hình số độ cao cập nhật đến năm 2020, bổ sung 10 phương án mô hình toàn cầu và 6 mô hình khu vực để dự tính các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, **nguy cơ ngập do nước biển dâng chi tiết đến các đơn vị hành chính cấp xã, các đảo và quần đảo của Việt Nam.**

+ Bên cạnh đó, năm 2022, **Bộ TN&MT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)** công bố Báo cáo đánh giá khí hậu quốc gia với những thông tin cơ bản về đặc điểm, hiện trạng, mức độ thay đổi của khí hậu, khí hậu cực đoan, xu thế và tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá sự phù hợp và mức độ sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu cũng như hiệu quả của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

+ Chính phủ đặt mục tiêu sớm hoàn thiện chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ở ĐBSCL

- Giải pháp thích ứng

+ Bộ TN&MT cho biết, thực hiện hiệu quả các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu theo Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, Chính phủ đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 với các nhiệm vụ, giải pháp rất cụ thể như: Tập trung sản xuất nông nghiệp chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp hiệu quả cao, tối ưu hoá giá trị nông nghiệp; phát triển công nghệ về giống, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản.

+ Đồng thời, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, xây dựng mạng lưới đường bộ cao tốc, đường thủy nội địa; Chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với từng vùng sinh thái; chủ động "sống chung với lũ và hạn hán, xâm nhập mặn", khai thác lợi thế để phát triển bền vững.

+ Cùng với đó là xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Công; kiểm soát khai thác nước ngầm và tình trạng sụt lún đất do khai thác nước ngầm; xây dựng hệ thống công trình trữ nước mùa mưa, điều hoà nguồn nước cho mùa khô để giảm thiểu tác động của hạn hán và xâm nhập mặn.

+ Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đê biển, đê bao, bờ biển, công trình kiểm soát lũ, mặn, hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững; Xây dựng, củng cố công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn cho dân cư và cơ sở hạ tầng; phát triển rừng ngập mặn và các đa dạng sinh học ven biển gắn với bảo đảm đa dạng sinh học và sinh kế bền vững; Hoàn thiện chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ; củng cố, nâng cấp công trình kết hợp sơ tán dân phòng chống lũ, bão.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Diện tích đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng thu hẹp do

- A. thời gian mùa khô hạn ngày càng kéo dài.
- B. chế độ nước của sông Mê Công thay đổi.**
- C. đẩy mạnh đắp đê nên phù sa ít được bồi tụ.
- D. mở rộng việc nuôi trồng thủy sản nước lợ.

Câu 2. Việc mở rộng diện tích nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long cần chú ý tới vấn đề chủ yếu nào sau đây?

- A. Tăng cường giống mới, phổ biến kỹ thuật nuôi trồng.
- B. Bổ sung nguồn lao động, tăng cường cơ sở thức ăn.
- C. Bảo vệ rừng ngập mặn, mở rộng thị trường tiêu thụ.**
- D. Phát triển công nghiệp chế biến, bổ sung lao động.

Câu 3. Hậu quả chủ yếu của mùa lũ đến muộn và lưu lượng nước nhỏ ở Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm gần đây là

- A. làm suy giảm mực nước ngầm, thu hẹp diện tích rừng ngập mặn.
- B. xâm nhập mặn sớm, tình trạng hạn hán vào mùa khô sâu sắc hơn.**
- C. thiếu nước cho thau chua rửa mặn, tăng chi phí sản xuất vụ mùa.
- D. sạt lở đất ven sông nghiêm trọng hơn, thu hẹp diện tích canh tác.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí vào các bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

II. Đúng/sai

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tính từ cuối năm 2015 đến nay, nhiều địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long đã bị nhiễm mặn, nhiều tỉnh/thành công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn. Những thay đổi nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Kông hay những tác động khác như nhiệt độ tăng, nước biển dâng, lũ lụt, khô hạn, xâm nhập mặn và xói lở đất,... đã làm cho vùng này đứng trước nhiều nguy cơ và thách thức. Dưới tác động đó, Đồng bằng sông Cửu Long ước tính hàng trăm nghìn ha đất khô hạn, sản lượng lương thực và năng suất cây trồng có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu. (Đúng)
- b) Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhanh do tình trạng nhiễm mặn. (Sai)
- c) Nước biển dâng cao là một trong những nguyên nhân làm cho Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn sâu. (Đúng)
- d) Giải pháp quan trọng để ứng phó nguy cơ hạn hán, thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển hệ thống thủy lợi, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. (Đúng)

III. Trả lời ngắn

Câu 1. Năm 2021, diện tích lúa của cả nước là 7238,9 nghìn ha, của Đồng bằng Sông Cửu Long là 3898,6 nghìn ha. Tính tỉ trọng diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước. (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

Đáp án: 53,9

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: **BÀI 33. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH Ở BIÊN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO**